

Số: 2806465

|                                            | Kia New Sonet 1.5 Premium | Kia New Seltos 1.5 AT |
|--------------------------------------------|---------------------------|-----------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>624.000.000đ</b>       | <b>599.000.000đ</b>   |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                           |                       |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 4120 x 1790 x 1642        | 4365 x 1800 x 1645    |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2500                      | 2610                  |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5300                      | 5300                  |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 205                       | 190                   |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 1095                      | 1234                  |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 1580                      | 1690                  |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 392                       | 433                   |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 45                        | 50                    |
| Số chỗ ngồi                                | 5                         | 5                     |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước          | SX-LR trong nước      |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                           |                       |
| Loại động cơ                               | Smartstream 1.5G          | Smartstream 1.5G      |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 1497                      | 1497                  |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 113 Hp / 6300 rpm         | 113 Hp/ 6.300 rpm     |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 144 Nm / 4500 rpm         | 144 Nm/ 4.500 rpm     |
| Hộp số                                     | CVT                       | Hộp số vô cấp CVT     |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)           | Cầu trước (FWD)       |
| Hệ thống treo trước                        | MacPherson                | McPherson             |
| Hệ thống treo sau                          | Thanh xoắn                | Thanh cân bằng        |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                       | Đĩa                   |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                       | Đĩa                   |
| Thông số lốp xe                            | 215/60 R16                | 215/60 R17            |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 6.67                      |                       |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5.55                      |                       |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 5.97                      |                       |
| Chế độ lái                                 | Normal/Eco/Sport          | Normal/Eco/Sport      |
| Chế độ địa hình                            | Snow/Mud/Sand             | Snow/Mud/Sand         |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                           |                       |
| Cụm đèn trước                              | LED                       | Halogen               |
| Đèn trước tự động bật/tắt                  | ●                         | ●                     |
| Đèn ban ngày LED                           | ●                         | Halogen               |
| Đèn sương mù                               | LED                       | Halogen               |
| Cụm đèn sau                                | LED                       | Halogen               |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                         | ●                     |
| Gạt mưa tự động                            | -                         | -                     |
| Cửa sổ trời                                | ●                         | -                     |
| Trang bị khác                              | Baga mui                  |                       |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                           |                       |
| Vô lăng bọc da                             | ●                         | Urethane              |
| Chất liệu ghế                              | Da                        | Da                    |
| Ghế người lái chỉnh cơ                     | ●                         | ●                     |
| Ghế người lái chỉnh điện                   | ●                         | -                     |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ         | ●                         | ●                     |

|                                    |                                                             |          |
|------------------------------------|-------------------------------------------------------------|----------|
| Kính cửa sổ chỉnh điện             | Kính cửa người lái điều khiển tự động lên xuống & chống kẹt | ●        |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin      | 4.2                                                         | 4.2"     |
| Màn hình giải trí trung tâm        | 10.25                                                       | 8"       |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto | ●                                                           | ●        |
| Hệ thống điều hòa tự động          | ●                                                           | Chỉnh cơ |
| Cửa gió cho hàng ghế sau           | ●                                                           | ●        |
| Khởi động nút bấm                  | ●                                                           | ●        |
| Khởi động từ xa                    | ●                                                           | ●        |
| Hệ thống âm thanh                  | 6 loa                                                       | 6 loa    |

**AN TOÀN:**

|                                         |     |   |
|-----------------------------------------|-----|---|
| Số túi khí                              | 6   | 2 |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS        | ●   | ● |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD        | ●   | ● |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA       | ●   | ● |
| Hệ thống cân bằng điện tử               | ●   | ● |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA | ●   | ● |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                   | Sau | ● |
| Hệ thống điều khiển hành trình          | ●   | - |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp           | ●   | - |
| Camera lùi                              | ●   | ● |